

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 305/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2024

“V/v Ly hôn giữa chị T1 và anh T2”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phan Thanh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Hồ Hải Hương – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Thái Văn T2, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày: Chị và anh T2 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G theo giấy chứng nhận kết hôn số 196 ngày 21/07/2004. Quá trình

chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ năm 2015 vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn chỉ yêu cầu ly hôn với anh T2. Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Thị Như Q, sinh ngày: 26/5/2003 và Thái Thị Bảo T3, sinh ngày 23/11/2009 khi ly hôn chỉ yêu cầu được nuôi 01 con chung chưa thành niên, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Thái Văn T2 vắng mặt không lý do dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T1.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Thái Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Thái Văn T2 theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 chung sống với anh T2 từ năm 2004 và được UBND thị trấn V, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196 ngày 21/07/2004 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015 nhưng đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị vẫn không hàn gắn được. Nay chị T1 xin ly hôn nhưng anh T2 không đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T1, điều đó chứng tỏ anh

T2 không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 yêu cầu được nuôi con chung chưa trưởng thành là cháu Thái Thị Bảo T3, sinh ngày 23/11/2009, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T1, anh T2 đều có khả năng nuôi dạy con chung nhưng hiện nay cháu T3 đang sống với chị T1 và nguyện vọng của cháu T3 là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con phía chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi và anh T2 cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần để chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Bảo T3, sinh ngày 23/11/2009 và anh T2 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 chưa yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị T1, anh T2 có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T2 cũng không thể hiện ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị T1, anh T2 có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T1.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 được ly hôn với anh Thái Văn T2.

2/ Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Thái Thị Bảo T3, sinh ngày 23/11/2009.

- Anh **Thái Văn T2** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T1** chưa yêu cầu.
- Anh **Thái Văn T2** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T1** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013471 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị **T1** đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông;
- Lưu hồ sơ, AV;

Lê Thị Nguyệt Hồng

